

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025 SAU ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / 9/2025 của UBND phường Quyết Thắng)

(Dự toán đã được HDND phê chuẩn)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán đã giao năm 2025 tại NQ số 13/NQ-HĐND ngày 11/8/2025 của HĐND phường	Số điều chỉnh tăng	Số điều chỉnh giảm	Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
1	2	2	4	5	6	7
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	244.544.000	593.994.000	-	838.538.000	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp				-	
-	Thu NSDP hưởng 100%				-	
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia				-	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	225.971.000	428.540.000		654.511.000	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	19.423.000			19.423.000	
3	Thu bổ sung có mục tiêu	206.548.000	428.540.000		635.088.000	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				-	
IV	Thu kết dư		119.031.000		119.031.000	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang (trong đó thu chuyển nguồn thực hiện CCTL: 18.573 triệu	18.573.000	46.423.000		64.996.000	
VI	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên				-	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

SAU ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / 9/2025 của UBND phường Quyết Thắng)

(Dự toán trình hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025 tại NQ số 13/NQ- HĐND ngày 11/8/2025 của HĐND phường	Số điều chỉnh tăng	Số điều chỉnh giảm	Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh	Tiết kiệm 10% theo Nghị quyết 173/NQ- CP	Số được cấp từ ngân sách	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG CHI NSDP	244.544.000	434.280.139	5.740.139	673.084.000	1.120.620	671.963.380	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	244.544.000	431.266.139	5.740.139	670.070.000	1.120.620	668.949.380	
I	Chi đầu tư phát triển	148.298.000	403.807.000	3.171.000	548.934.000		548.934.000	
1	Chi đầu tư cho các dự án	148.298.000	1.250.000	3.171.000	146.377.000		146.377.000	
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>				-		-	
-	Chi quốc phòng	3.100.000			3.100.000		3.100.000	
-	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.080.000			1.080.000		1.080.000	
-	Chi y tế, dân số và gia đình				-		-	
-	Chi văn hóa thông tin				-		-	
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	100.000			100.000		100.000	
-	Chi thể dục thể thao				-		-	
-	Chi bảo vệ môi trường	2.000.000			2.000.000		2.000.000	
-	Chi các hoạt động kinh tế	142.018.000	-	3.171.000	138.847.000		138.847.000	
+	Chi giao thông vận tải	11.118.000			11.118.000		11.118.000	
+	Chi nông lâm ngư nghiệp và thủy lợi, thủy sản				-		-	
+	Chi hoạt động kinh tế khác	130.900.000		3.171.000	127.729.000		127.729.000	

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025 tại NQ số 13/NQ- HĐND ngày 11/8/2025 của HĐND phường	Số điều chỉnh tăng	Số điều chỉnh giảm	Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh	Tiết kiệm 10% theo Nghị quyết 173/NQ- CP	Số được cấp từ ngân sách	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
-	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể		1.250.000		1.250.000		1.250.000	
-	Chi đảm bảo xã hội				-		-	
-	Nhiệm vụ dự án khác				-		-	
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>				-		-	
-	Nguồn ngân sách tỉnh				-		-	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				-		-	
3	Chi đầu tư phát triển khác		402.557.000		402.557.000		402.557.000	
II	Chi thường xuyên	83.805.000	24.129.139	2.569.139	105.365.000	1.120.620	104.244.380	
1	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	58.250.000	765.913	86.913	58.929.000	62.620	58.866.380	
2	Chi sự nghiệp y tế		587.575		587.575		587.575	
3	Chi quản lý hành chính	21.950.061	10.232.693	2.334.820	29.847.934	335.000	29.512.934	
4	Chi sự nghiệp văn hoá, thông tin	94.500	481.500		576.000	48.000	528.000	
5	Chi sự nghiệp thể dục, thể thao	175.500	352.506	147.406	380.600	35.000	345.600	
6	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình		96.500		96.500	9.000	87.500	
7	Chi đảm bảo xã hội	452.784	4.707.222		5.160.006		5.160.006	
8	Chi an ninh	1.327.800	294.150		1.621.950	29.400	1.592.550	
9	Chi quốc phòng	982.422	87.828		1.070.250	8.700	1.061.550	
10	Chi sự nghiệp kinh tế	571.933	5.906.666		6.478.599	531.300	5.947.299	

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025 tại NQ số 13/NQ- HĐND ngày 11/8/2025 của HĐND phường	Số điều chỉnh tăng	Số điều chỉnh giảm	Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh	Tiết kiệm 10% theo Nghị quyết 173/NQ- CP	Số được cấp từ ngân sách	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
16	Sự nghiệp môi trường		35.000		35.000	3.500	31.500	
17	Chi khác ngân sách		581.586		581.586	58.100	523.486	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay						-	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính						-	
V	Dự phòng ngân sách	517.000	3.330.000		3.847.000		3.847.000	
VI	Chi bổ sung cân đối cho ngân sách cấp dưới						-	
VII	Chi nộp ngân sách cấp trên						-	
VIII	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	11.924.000			11.924.000		11.924.000	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU		3.014.000		3.014.000		3.014.000	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		2.979.000		2.979.000		2.979.000	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững				-		-	
2	Kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		2.574.000		2.574.000		2.574.000	
-	Chi thường xuyên		154.000		154.000		154.000	
-	Chi đầu tư		2.420.000		2.420.000		2.420.000	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển Kinh tế - Xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		405.000		405.000		405.000	
II	Chi bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện chế độ, chính sách (Chi an toàn giao thông)		35.000		35.000		35.000	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU							

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SAU ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / 9/2025 của UBND phường Quyết Thắng)
(Dự toán trình hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán đã giao năm 2025 tại NQ số 13/NQ-HĐND ngày 11/8/2025 của HĐND phường	Số điều chỉnh tăng	Số điều chỉnh giảm	Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
1	2	2	4	5	6	7
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	244.544.000	593.994.000	-	838.538.000	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp				-	
-	Thu NSDP hưởng 100%				-	
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia				-	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	225.971.000	428.540.000		654.511.000	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	19.423.000			19.423.000	
3	Thu bổ sung có mục tiêu	206.548.000	428.540.000		635.088.000	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				-	
IV	Thu kết dư		119.031.000		119.031.000	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang (trong đó thu chuyển nguồn thực hiện CCTL: 18.573 triệu đồng)	18.573.000	46.423.000		64.996.000	
VI	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên				-	
B	TỔNG CHI NSDP	244.544.000	593.995.000	1.000	838.538.000	

STT	Nội dung	Dự toán đã giao năm 2025 tại NQ số 13/NQ-HĐND ngày 11/8/2025 của HĐND phường	Số điều chỉnh tăng	Số điều chỉnh giảm	Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
I	Tổng chi cân đối NSDP	244.544.000	427.447.000	1.000	671.990.000	
1	Chi đầu tư phát triển	148.298.000	402.557.000	1.000	550.854.000	
2	Chi thường xuyên	83.805.000	21.560.000		105.365.000	
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				-	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				-	
5	Dự phòng ngân sách	517.000	3.330.000		3.847.000	
6	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới				-	
7	Chi nộp ngân sách cấp trên				-	
8	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	11.924.000			11.924.000	
II	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		1.168.470		1.168.470	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		46.348.530		46.348.530	
IV	Chi từ nguồn kết dư		119.031.000		119.031.000	